

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST

Ngày 04 tháng 9 năm 2025

(V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vân; Ông Đặng Viết Côi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Lan - Thư ký TAND khu vực 12 - Hà Nội.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hà Nội tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Văn Huy - Kiểm sát viên.*

Ngày 04 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2025 về “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025 và Q định hoãn phiên tòa số: 20/2025/QĐHPT-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

**/ N đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh ngày 15/7/2002;

Số CCCD: 001302042329; do Cục trưởng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 31/5/2021.

**/ Bị đơn:* Anh Tạ Văn Q, sinh ngày 11/6/2000;

Số CCCD: 001200045034; do Cục trưởng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/11/2021.

Đều có nơi ĐKKHKT: thôn NX, xã VD, thành phố Hà Nội.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, chị Nguyễn Thị N là N đơn trình bày: chị và anh anh Tạ Văn Q tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn VD (nay là xã VD) năm 2022. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau ngay sau khi kết hôn đã phát sinh mâu thuẫn, N nhân

là do hai vợ chồng chị còn quá trẻ, chưa ổn định công việc, chưa tìm hiểu kỹ đã vội vàng đi đến kết hôn; khi cưới về cả hai vợ chồng đều không có công việc, dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn, trong khi chị đang mang thai, đến khi đẻ con ra lại càng khó khăn hơn; mâu thuẫn về kinh tế, rồi mâu thuẫn về việc chăm con dẫn đến căng thẳng, anh Q đã đánh chị vào ngày mừng 2 tết năm 2025, chị bế con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã Hợp Thanh, huyện Mỹ Đức ở từ đó cho đến nay, anh chị sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, anh Q chưa một lần vào nhà bố mẹ đẻ để nói chuyện với chị, đề xin lỗi chị, mãi cho đến gần 1 tháng nay anh Q mới nhắn tin nói chuyện với chị về việc con cái, chứ cũng không bảo chị quay về chung sống với anh Q. Cho đến nay, chị nhận thấy chị không còn tình cảm gì với anh Q nữa, cả chị và anh Q đều không còn thiết tha cuộc hôn nhân này, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh Q để ổn định cuộc sống của hai mẹ con chị.

Về con chung: anh chị có 01 con chung: Tạ Minh Q, sinh ngày 27/02/2023. Từ khi sinh con ra, chị luôn là người chăm sóc con, kể từ khi sống ly thân đến nay, con chung sống cùng chị và ông bà ngoại ở nhà bố mẹ đẻ chị. Cháu Q chưa được 3 tuổi; hiện nay chị đang đi làm lao động tự do về lĩnh vực tiếp thị hàng hoá, thu nhập bình Q hàng tháng của chị là 10.000.000đồng/tháng, nhưng là lao động tự do nên chị không có giấy tờ xác nhận thu nhập để nộp cho Toà án.

Anh Q hiện không có công việc, lông bông; bố chồng chị đã chết từ lâu, do mâu thuẫn gia đình như nào chị không biết nhưng khi vợ chồng chị cưới nhau thì mẹ chồng chị không phải là người đứng lên tổ chức cưới vợ cho con trai mà do bà nội và chú thím chồng chị đứng lên; khi cưới về, cho đến khi chị sinh con thì mẹ chồng chị từ mặt chồng chị, dù sống 2 nhà sát liền kề nhau nhưng mẹ chồng chị chưa một lần sang thăm cháu nội, cũng cấm vợ chồng chị sang nhà mẹ.

Do đó, chị tha thiết có nguyện vọng được nuôi con chung, chị không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Hiện nay, chị bận đi làm kiếm tiền nuôi con, mỗi lần xin nghỉ chị bị trừ lương rất cao, nhà chị cũng ở xa, con chị nhỏ, vì chị biết bản thân chị và anh Q đều không thiết tha cuộc hôn nhân này nhưng anh Q cố tình gây khó khăn cho chị, anh Q còn thách đố chị ly hôn được anh Q nếu anh ấy không đồng ý, do đó chị đề nghị toà án không tiến hành hoà giải giữa hai vợ chồng chị, đề nghị toà án đưa vụ án ra xét xử. Chị xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc khác của Toà án, xin được vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ, phiên hoà giải, phiên toà xét xử vụ án. Đề nghị

Toà án xét xử, giải Q vụ án vắng mặt chị. Chị cương Q giữ N quan điểm như chị đã trình bày ở trên.

Về tài sản chung, công nợ chung: không có, chị không yêu cầu Toà án giải Q.

Bị đơn anh Tạ Văn Q: Không có ý kiến trình bày gì.

Tại biên bản xác minh tại UBND xã VD, Công an xã VD thể hiện:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 2002 là người ở thôn Vân, xã Hợp Thanh, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội; tự nguyện kết hôn với anh Tạ Văn Q, sinh năm 2000 tại UBND thị trấn VD (nay là xã VD) ngày 03/11/2022; Sau khi kết hôn, chị N chuyển hộ khẩu và chuyển về sinh sống tại nhà anh Q ở thôn NX, thị trấn VD, huyện Ứng Hoà (nay là xã VD), thành phố Hà Nội. Mâu thuẫn vợ chồng cụ thể như nào chính quyền địa phương không nắm được, chỉ biết từ đầu năm 2025 đến nay chị N không sống ở nhà anh Q nữa, theo thông tin quần chúng nhân dân được biết chị N bế con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở; Nay chị N có đơn xin ly hôn anh Q, quan điểm chính quyền địa phương: đề nghị Tòa án giải Q theo quy định pháp luật. Chị N và anh Q có 01 con chung: Tạ Minh Q, sinh ngày 27/02/2023.

* Về nơi cư trú của anh Q: anh Q có nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: xóm Thái N, thôn NX, thị trấn VD, huyện Ứng Hoà (nay là xã VD), thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, anh Q làm nghề lao động tự do, thỉnh thoảng mới về nhà và địa phương nhưng chính quyền địa phương không biết địa chỉ nơi làm việc, nơi cư trú mới của anh Q, cũng không biết rõ thời điểm trở về nhà và địa phương của anh Q là khi nào do anh Q không khai báo.

** Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải Q vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, các đương sự được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định nhưng không hòa giải được vì lý do bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử giải Q cho chị N được ly hôn với anh Q; giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị N cho đến khi có sự thay đổi mới hoặc có đề nghị khác; chị N nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ-ợc thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của các đ-ơng sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị N làm đơn ly hôn và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, anh Tạ Văn Q là bị đơn có địa chỉ cư trú tại: thôn NX, xã VD, thành phố Hà Nội, do đó Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội tiến hành thụ lý, giải Q theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự là đúng thẩm quyền.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Q đến Tòa để hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng anh Q vắng mặt không có lý do; chị N xin vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị N và anh Tạ Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã VD ngày 03/11/2022 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, N nhân theo chị N trình bày là do bất đồng quan điểm, không thể tìm được tiếng nói chung, do mâu thuẫn căng thẳng trầm trọng nên chị N và anh Q đã sống ly thân từ đầu năm 2025 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị N cương Q xin được ly hôn với anh Q; anh Q không đến Tòa án làm việc trình bày quan điểm.

Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Q và chị N là căng thẳng, có thời gian sống ly thân dài, hôn nhân giữa hai vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử chấp nhận đơn ly hôn của chị N, xử cho chị N được ly hôn với anh Q là phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh Q và chị N có 01 con chung là Tạ Minh Q, sinh ngày 27/02/2023. Hiện tại, cháu Q đang ở với chị N. Chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung; con chung chưa đủ 36 tháng tuổi, vẫn còn quá nhỏ; anh Q không đến Tòa án trình bày quan điểm. Do đó, để đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý, môi trường sống của con chung được ổn định, theo nguyện vọng của đương sự và thực tiễn cuộc sống, HĐXX giao con chung cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; chị N không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Q cho đến khi có thay đổi mới hoặc có đề nghị khác là phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị N không yêu cầu đề nghị Tòa giải Q; anh Q không đến Tòa án trình bày quan điểm, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải Q trong bản án này.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị N phải nộp án phí; N đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự (năm 2015) và căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014); khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự (năm 2015); Nghị Q 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Tạ Văn Q.

2. Về con chung: chị Nguyễn Thị N và anh Tạ Văn Q có 01 con chung là: Tạ Minh Q, sinh ngày 27/02/2023. Sau ly hôn, giao con chung cho chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Q cho đến khi có yêu cầu hoặc có thay đổi khác. Sau ly hôn, anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0043128 ngày 25 tháng 6 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ứng Hoà, TP. Hà Nội (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 12 – Hà Nội).

4. Về quyền kháng cáo: N đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã (phường) nơi cư trú đối với người vắng mặt./.

Nơi nhân:

- TAND TP Hà Nội;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- VKSND khu vực 12 – Hà Nội;
- Phòng thi hành án DS khu vực 12 – Hà Nội;
- UBND xã nơi đã ĐKKH;
- Các đ-ơng sự;
- L- u h/s; v/p./.

Nguyễn Văn Thiện

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

